

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2024/HC-ST**
Ngày: 26 - 3 - 2024
V/v Khiếu kiện hành vi hành chính
về bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hòa.

2. Bà Bùi Thị Kim Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 199/2023/TLST-HC ngày 01/11/2023, về việc: “*Khiếu kiện hành vi hành chính về bảo hiểm xã hội*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HC ngày 04/03/2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

- Bà Trần Thị Th, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

- Bà Bùi Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

- Ông Vũ Tiến T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H: Ông Lê Xuân L, sinh năm 1958 (văn bản ủy quyền ngày 26/10/2023); địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. Người bị kiện: Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc T – Chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Đức H – Chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền ngày 17/11/2023), có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C;

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Khắc T – Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn M - Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C (văn bản ủy quyền ngày 11/12/2023), vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T, bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện là ông Lê Xuân L trình bày có nội dung:*

Ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H đều có Hợp đồng nhận khoán đất chăm sóc cây lâu năm với Nông trường C (nay là Công ty TNHH MTV C). Trong đó, ông D, bà Th, ông T có hợp đồng từ tháng 10/2007; bà P có hợp đồng từ tháng 5/2005; bà N có hợp đồng từ tháng 4/2004; bà H có hợp đồng từ tháng 7/2006. Các ông bà có ký lại hợp đồng giao khoán mới nhiều lần do Chính phủ thay đổi Nghị định mới.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D, bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H luôn hoàn thành tốt mọi trách nhiệm và nghĩa vụ ghi trong hợp đồng, chấp hành tốt sự giám sát, quản lý, chỉ đạo điều hành của Giám đốc Công ty. Được Giám đốc trả lương, trả công và các phương tiện phục vụ sản xuất như: Công cụ lao động, bảo hộ lao động,... Hàng năm, ông D, bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H giao nộp đầy đủ sản phẩm giao khoán cho Công ty.

Tháng 01/2006, Công ty có chỉ tiêu tuyển dụng công nhân và ông D đã được ký Hợp đồng lao động số 02/2006/HĐ ngày 05/01/2006 với Công ty với chức danh Công nhân chăm sóc cà phê; Tại hợp đồng này ghi rõ: Được tham gia các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ và được hưởng các chế độ quyền lợi về lao động theo chính sách hiện hành.

Đến tháng 01/2007, Công ty có chỉ tiêu tuyển dụng công nhân. Bà Th đã được Công ty tuyển dụng theo Quyết định về việc tiếp nhận và tuyển dụng lao động số 05/2007/QĐTCCT ngày 05/01/2007; Bà P đã được tuyển dụng theo Quyết định về việc tiếp nhận và tuyển dụng lao động số 03/2007/QĐTCCT ngày 05/01/2007; Bà Bùi Thị N đã được tuyển dụng theo Quyết định về việc tiếp nhận và tuyển dụng lao động số 02/2007/QĐTCCT ngày 05/01/2007; Ông Vũ Tiến T đã được tuyển dụng theo Quyết định về việc tiếp nhận và tuyển dụng lao động số 01/2007/QĐTCCT ngày 05/01/2007; Bà Nguyễn Thị H đã được tuyển dụng theo Quyết định về việc tiếp nhận và tuyển dụng lao động số 04/2007/QĐTCCT ngày 05/01/2007. Tại Điều

II của các Quyết định này ghi rõ: Được tham gia các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ và được hưởng các chế độ quyền lợi về lao động theo chính sách hiện hành.

Tuy nhiên, thời gian này ông D, bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H chưa tham gia bảo hiểm xã hội vì Công ty lại thực hiện Chỉ thị số 138 ngày 16/10/2021 về việc sửa đổi, bổ sung khoán sản xuất nông nghiệp trong các Doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Cà phê Việt Nam là: Đưa thuê sử dụng đất nông nghiệp, BHXH, BHYT, KPCĐ thì thu bằng tiền theo chế độ nhà nước quy định từng năm, không tính trong sản phẩm giao khoán nên ông D, bà Th, bà P, bà N, ông T, bà H và nhiều người lao động của Công ty đã không biết để đóng.

Đến năm 2010, Công ty cho người lao động ký hợp đồng lao động để bổ sung hồ sơ thì mới phát hiện ông D chưa tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2006 đến tháng 6/2010. Vậy nên Công ty đã tính toán số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2006 đến tháng 6/2010 để ông D nộp về Công ty. Số tiền cụ thể là 16.099.785 đồng. Ông D đã nộp tiền cho Công ty để Công ty chuyển cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk. Tiếp đó Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk đã lập hồ sơ bảo hiểm xã hội cho ông D thời gian công tác được tính từ tháng 01/2006.

Đến năm 2011, Công ty cho người lao động ký hợp đồng lao động để bổ sung vào hồ sơ thì mới phát hiện bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H chưa tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2007 đến năm 2010. Vậy nên Công ty đã tính toán số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2007 đến tháng 12/2010 để bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H nộp về Công ty. Số tiền cụ thể mỗi người phải nộp là 13.772.910 đồng. Bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H đã nộp tiền cho Công ty để Công ty chuyển cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk. Tiếp đó Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk đã lập hồ sơ bảo hiểm xã hội cho bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H thời gian công tác được tính từ tháng 01/2007.

Đến tháng 9/2020, Đoàn kiểm tra chuyên đề về việc truy thu cộng nổi thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH MTV C cho rằng ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H không đúng đối tượng được truy thu đóng. Ngày 27/11/2020, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk có Kết luận số 2532/KL-BHXH và thực hiện điều chỉnh giảm thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H.

Việc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk điều chỉnh giảm thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của các ông bà gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng của các ông bà. Bởi các lý do trên, ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk chấm dứt hành vi điều chỉnh giảm thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của các ông, bà, trong đó: Ông Nguyễn Văn D từ tháng 01/2006 đến tháng 06/2010; Bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010. Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk phải lập lại sổ bảo hiểm xã hội theo hướng không điều chỉnh giảm thời gian đóng bảo hiểm bổ sung của ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H.

** Tại nội dung bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk là ông Tạ Đức H trình bày có nội dung như sau:*

Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 1525/QĐ-BHXXH ngày 21/8/2020 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk về việc kiểm tra chuyên đề việc truy thu cộng nổi thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, tại Công ty TNHH MTV C; Địa chỉ: xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Kết quả kiểm tra hồ sơ của ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H như sau:

+ Ông Nguyễn Văn D, sinh 04/5/1966, Số sổ bảo hiểm xã hội 6610035071.

Ông là lao động Hợp đồng giao nhận khoán và sử dụng đất đã có cây cà phê kinh doanh (không phải Hợp đồng lao động) từ năm 2007 nên không có tên trong danh sách công nhân thuộc chỉ tiêu biên chế của đơn vị do đó đơn vị không lập danh sách tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông từ tháng 01/2006 đến tháng 6/2010, nhưng ngày 23/8/2010 đơn vị lập danh sách điều chỉnh truy thu cộng nổi thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông từ tháng 01/2006 đến tháng 6/2010 là chưa đúng quy định.

Tháng 7/2010, ông mới được ký Hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2010 cho đến nay theo đúng quy định.

+ Bà Trần Thị Th, sinh 20/10/1972, Số sổ 6611036113.

Bà là lao động Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê (không phải Hợp đồng lao động) từ năm 2007 nên không có tên trong danh sách công nhân thuộc chỉ tiêu biên chế của đơn vị do đó đơn vị không lập danh sách tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010, nhưng ngày 15/3/2011 đơn vị lập danh sách điều chỉnh truy thu cộng nổi thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010 là chưa đúng quy định.

Năm 2011, bà mới ký Hợp đồng lao động với đơn vị và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ tháng 01/2011 cho đến nay theo đúng quy định.

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh 01/01/1973, số sổ 6611036114.

Bà là lao động Hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất đã có cây cà phê kinh doanh (không phải Hợp đồng lao động) từ năm 2007 nên không có tên trong danh sách công nhân thuộc chỉ tiêu biên chế của đơn vị, do đó đơn vị không lập danh sách tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010, nhưng ngày 15/3/2011 đơn vị lập danh sách điều chỉnh truy thu cộng nổi thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010 là chưa đúng quy định.

Năm 2011, bà mới ký Hợp đồng lao động với đơn vị và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2011 cho đến nay theo đúng quy định.

+ Bà Bùi Thị N, sinh 12/3/1973, số sổ 6611036111.

Bà mới được ký Hợp đồng lao động với đơn vị từ tháng 01/2011 nên không có tên trong danh sách công nhân của đơn vị năm từ 2007 đến năm 2010, do đó đơn vị không lập danh sách đăng ký đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010, nhưng ngày 15/3/2011 đơn vị lập danh sách điều chỉnh truy thu cộng nổi thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010 là chưa đúng quy định.

Năm 2011, bà mới ký Hợp đồng lao động với đơn vị và tham gia bảo hiểm xã hội từ 01/01/2011 cho đến nay theo đúng quy định.

+ Ông Vũ Tiến T, sinh 10/01/1974, số sổ 6611036110.

Ông là lao động Hợp đồng giao nhận khoán và sử dụng đất đã có cây cà phê kinh doanh (không phải Hợp đồng lao động) từ năm 2007 nên không có tên trong danh sách công nhân thuộc chỉ tiêu biên chế của đơn vị do đó đơn vị không lập danh sách tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010, nhưng ngày 15/3/2011 đơn vị lập danh sách điều chỉnh truy thu cộng nổi thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010 là chưa đúng quy định.

Năm 2011, ông mới ký Hợp đồng lao động với đơn vị và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2011 cho đến nay theo đúng quy định.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh 26/10/1974, số sổ 6611036112.

Bà mới được ký Hợp đồng lao động với đơn vị từ tháng 01/2011 nên không có tên trong danh sách công nhân của đơn vị năm từ 2007 đến năm 2010, do đó đơn vị không lập danh sách đăng ký đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010, nhưng ngày 15/3/2011 đơn vị lập danh sách điều chỉnh truy thu cộng nổi thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010 là chưa đúng quy định.

Năm 2011, bà mới ký Hợp đồng lao động với đơn vị và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2011 cho đến nay theo đúng quy định.

Căn cứ theo quy định tại Quyết định số 722/2003/QĐ-BHXX-BT ngày 26/5/2006 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, ngày 27/11/2020 Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk đã Ban hành Kết luận số 2532/KL-BHXX về “*Kiểm tra chuyên đề truy thu cộng nổi thời gian tham gia BHXH tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C*”, theo đó:

+ Đối với ông Nguyễn Văn D, sinh 04/5/1966, Số sổ bảo hiểm xã hội 6610035071.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện giảm thời gian truy thu không đúng từ tháng 01/2006 đến tháng 6/2010.

+ Bà Trần Thị Th, sinh 20/10/1972, Số sổ 6611036113.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện giảm thời gian truy thu không đúng từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010.

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh 01/01/1973, số sổ 6611036114.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện giảm thời gian truy thu không đúng từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010.

+ Bà Bùi Thị N, sinh 12/3/1973, số sổ 6611036111.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện giảm thời gian truy thu không đúng từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010.

+ Ông Vũ Tiến T, sinh 10/01/1974, số sổ 6611036110.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện giảm thời gian truy thu không đúng từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh 26/10/1974, số sổ 6611036112.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện giảm thời gian truy thu không đúng từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010.

Việc điều chỉnh giảm thời gian bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của các ông bà trên.

** Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV C là ông Phạm Văn M trình bày có nội dung như sau:* Công ty TNHH MTV C có nội dung trình bày thống nhất với trình bày của những người khởi kiện ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H. Việc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk điều chỉnh giảm thời gian bảo hiểm xã hội của những cá nhân trên gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng của người lao động. Công ty và người lao động đã nhiều lần làm đơn đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk xem xét không cắt giảm thời gian tham gia bảo hiểm xã hội truy thu cộng nổi nhưng không được Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk giải quyết. Bởi những lí do trên, việc người lao động làm đơn khởi kiện đối với Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk để đòi hỏi quyền lợi là chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H. Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk chấm dứt hành vi điều chỉnh giảm thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của các ông, bà. Trong đó, ông Nguyễn Văn D từ tháng 01/2006 đến tháng 06/2010; Bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010. Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk phải lập lại sổ bảo hiểm xã hội theo hướng không điều chỉnh giảm thời gian đóng bảo hiểm bổ sung của ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ngày 30/10/2023, các ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện tại TAND tỉnh Đắk Lắk đề nghị Tòa án tuyên buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk chấm dứt hành vi điều chỉnh giảm thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn D từ tháng 01/2006 đến tháng 06/2010; bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010; buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk phải lập lại sổ bảo hiểm xã hội theo hướng không điều chỉnh giảm thời gian

đóng bảo hiểm bổ sung của ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì khiếu kiện trên là khiếu kiện hành vi hành chính về bảo hiểm xã hội, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Công ty TNHH MTV C là đại diện cho những người lao động ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H nhiều lần đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk công nhận việc truy thu cộng nổi thời gian tham gia BHXH của ông D, bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H, đồng thời lập lại sổ bảo hiểm cho họ. Ngày 09/6/2023, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 941/BHXXH-TTKT cho rằng việc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk điều chỉnh giảm thời gian truy thu bảo hiểm xã hội của các cá nhân trên đúng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Ngày 30/10/2023, ông D, bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H nộp đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Qua tài liệu và chứng từ do Công ty TNHH MTV C và những người khởi kiện cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy ngoài hợp đồng giao khoán thì những người khởi kiện có ký hợp đồng lao động với Công ty C (nay là Công ty TNHH MTV C) thuộc Tổng Công ty Cà phê Việt Nam, cụ thể:

* Ông Nguyễn Văn D có:

- Hợp đồng lao động số 02/2006 HĐLĐ ngày 05/01/2006;
- Hợp đồng giao khoán số: 156/2007/HĐ ngày 09/10/2007;

* Bà Trần Thị Th có:

- Quyết định tuyển dụng lao động số: 05/2007 QĐ TCCT ngày 05/01/2007.
- Hợp đồng giao nhận khoán số 154/2007/HĐ ngày 11/10/2007.

* Ông Vũ Tiến T có:

- Quyết định tiếp nhận và tuyển dụng lao động số: 01/2007 QĐ TCCT ngày 05/01/2007.
- Hợp đồng giao nhận khoán số 99/2007/HĐ ngày 16/10/2007.

* Bà Bùi Thị N có:

- Quyết định tiếp nhận và tuyển dụng lao động số: 02/2007 QĐ TCCT ngày 05/01/2007.
- Hợp đồng chăm sóc cây lâu năm số 879/HĐK ngày 15/9/1996.

* Bà Nguyễn Thị P có:

- Quyết định tiếp nhận và tuyển dụng lao động số: 03/2007 QĐ TCCT ngày 05/01/2007.

- Hợp đồng khoán đất chăm sóc cây lâu năm số 201/HĐ ngày 30/5/2005.

* Bà Nguyễn Thị H có:

- Quyết định tiếp nhận và tuyển dụng lao động số: 04/2007 QĐ TCCT ngày 05/01/2007.

- Hợp đồng khoán đất chăm sóc cây lâu năm số 189/HĐ-NT ngày 15/7/2006.

Tại Điều I của các Quyết định tuyển dụng lao động nêu trên xác định hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H là loại hợp đồng lao động “không xác định thời hạn”.

Tại Điều II của các Quyết định tuyển dụng lao động nêu trên đã ghi rất rõ: *“Được tham gia đóng các khoản BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn và được hưởng các chế độ, quyền lợi về lao động theo chính sách hiện hành.”*

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH MTV C xác định các ông bà trên là người lao động của Công ty, đồng thời cung cấp cho Tòa án các quyết định tuyển dụng lao động đối với các ông, bà nêu trên vào năm 2006 và 2007.

Do đó, có đầy đủ căn cứ để chứng minh ông Nguyễn Văn D là người lao động theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn của Công ty C vào năm 2006; bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H là người lao động theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn của Công ty C từ năm 2007.

[2.2] Tại khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 quy định về đối tượng áp dụng bảo hiểm xã hội bắt buộc như sau:

“Người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là công dân Việt Nam, bao gồm:

a) Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ ba tháng trở lên;”

Tại khoản 1 Điều 18 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động như sau:

“Người sử dụng lao động có các trách nhiệm sau đây:

a) Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 92 và hằng tháng trích từ tiền lương, tiền công của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội;”

Như vậy, theo hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H thì các ông bà là người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn thuộc trường hợp tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Và Công ty C (người sử dụng lao động) có trách nhiệm trích tiền lương, tiền công của các ông, bà nêu trên để đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, tại thời điểm này chưa có hướng dẫn cụ thể nên Công ty C đã không thực hiện, còn người lao động không biết dẫn đến việc không đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2006, 2007. Chính vì vậy, đến năm 2011, ông

D, bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H ký hợp đồng lao động bổ sung vào hồ sơ công nhân và tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì mới biết: Từ năm 2001 Nông trường thu thuế sử dụng đất nông nghiệp, BHXH, BHYT, KPCĐ bằng tiền theo chế độ nhà nước quy định từng năm. Nên các ông, bà có đề nghị đóng bảo hiểm xã hội bổ sung của những năm trước đó. Đề nghị của các ông, bà được Công ty C và Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk chấp thuận. Công ty C đã tính toán số tiền phải truy thu, đóng bổ sung, gửi giấy báo nộp tiền BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động, các ông, bà đã nộp đầy đủ số tiền đóng bổ sung cho Công ty C để Công ty nộp lên Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào chứng từ các ông, bà nộp tiền tham gia đóng bổ sung, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk đã lập tờ rời sổ bảo hiểm xã hội từng năm cho các ông, bà.

Việc đóng bảo hiểm xã hội bổ sung của các ông, bà là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 được cụ thể hóa tại Điều 12 Nghị định 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện. Vì vậy, cần áp dụng để bảo đảm nguyên tắc có lợi cho người lao động, nhất là trong giai đoạn hiện nay Đảng và Nhà nước đang khuyến khích, động viên người lao động tham gia bảo hiểm xã hội để bảo đảm an sinh xã hội khi hết tuổi lao động.

Tại khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định:

“Người lao động là công dân Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bao gồm:

a) Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng, kể cả hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định của pháp luật về lao động;”

Tại khoản 3 Điều 12 Nghị định 134/2015/NĐ-CP quy định:

“Quá thời điểm đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Khoản 1 Điều này mà người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện không đóng bảo hiểm xã hội thì được coi là tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện. Người đang tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, nếu tiếp tục đóng thì phải đăng ký lại phương thức đóng và mức thu nhập tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội với cơ quan bảo hiểm xã hội.

Trường hợp có nguyện vọng đóng bù cho số tháng chậm đóng trước đó thì số tiền đóng bù được tính bằng tổng mức đóng của các tháng chậm đóng, áp dụng lãi gộp bằng lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân tháng do Bảo hiểm xã hội Việt Nam công bố của năm trước liền kề với năm đóng.”

[2.3] Việc xét duyệt cho các ông bà nêu trên được truy thu, cộng nối bảo hiểm xã hội vào cho các ông, bà trên là có phần sai sót của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk, người đóng bảo hiểm không có lỗi. Sau khi có Kết luận 2532/KL-BHXH ngày 27/11/2020 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk cũng đã chuyển số tiền bảo hiểm mà ông D, bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H về lại đơn vị đã đóng (Công ty

TNHH MTV C hiện nay). Ngày 26/4/2022, Công ty và các ông, bà trên đã tổ chức cuộc họp, qua đó người lao động vẫn thống nhất chưa nhận số tiền trên.

Tại khoản 7 Điều 18 Luật Bảo hiểm xã hội 2014 quy định về quyền của người lao động: “*Định kỳ 06 tháng được người sử dụng lao động cung cấp thông tin về đóng bảo hiểm xã hội; định kỳ hằng năm được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc đóng bảo hiểm xã hội; được yêu cầu người sử dụng lao động và cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng, hưởng bảo hiểm xã hội*”.

Tại khoản 6 Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội 2014 quy định về trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội: “*Hằng năm, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho từng người lao động; cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về việc đóng, quyền được hưởng chế độ, thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội khi người lao động, người sử dụng lao động hoặc tổ chức công đoàn yêu cầu*”.

Trường hợp của ông D, bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H đã đóng bảo hiểm xã hội bổ sung từ năm 2011 nhưng từ khi đóng đến năm 2020 không được cơ quan Bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng, hưởng bảo hiểm xã hội mà đến năm 2021 mới cho rằng việc đóng bảo hiểm xã hội là không đúng. Việc đóng bảo hiểm xã hội của ông D, bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H là có thật và đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk và Công ty C thừa nhận. Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk cho rằng việc đóng bảo hiểm của các ông bà trên là không đúng nhưng không được phát hiện, xử lý kịp thời mà đến hơn 10 năm sau mới chuyển trả số tiền đóng bảo hiểm bằng số tiền mà họ đã đóng cách đây 10 năm là không phù hợp.

[2.4] Từ các căn cứ nêu trên cho thấy ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H là người lao động theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn của Công ty C từ năm 2006, 2007; các ông bà là người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn thuộc trường hợp tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Việc ông D đóng bổ sung bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2006 đến tháng 06/2010; bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H đóng bổ sung bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010 là phù hợp với quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông D, bà Th, bà P, bà N, ông T và bà H là có căn cứ, cần chấp nhận, để buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk chấm dứt hành vi điều chỉnh giảm thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của các ông Nguyễn Văn D từ tháng 01/2006 đến tháng 06/2010; bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010; buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk phải lập lại sổ bảo hiểm xã hội theo hướng không điều chỉnh giảm thời gian đóng bảo hiểm bổ sung của ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những người khởi kiện ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm c khoản 2 Điều 193 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ: Điều 13 Bộ luật lao động 2019; Điều 3, Điều 4, Điều 2, Điều 18 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 2, Khoản 3 Điều 17, Khoản 7 Điều 18, khoản 6 Điều 23, Điều 87, Điều 118, Điều 119 Luật Bảo hiểm xã hội 2014; Điều 12 Nghị định 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H.

[1.1] Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk chấm dứt hành vi điều chỉnh giảm thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của các ông, bà:

- Ông Nguyễn Văn D từ tháng 01/2006 đến tháng 6/2010;
- Bà Trần Thị Th từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010;
- Bà Nguyễn Thị P từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010;
- Bà Bùi Thị N từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010;
- Ông Vũ Tiến T từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010;
- Bà Nguyễn Thị H từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2010.

[1.2] Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk phải lập lại sổ Bảo hiểm xã hội theo hướng không điều chỉnh giảm thời gian đóng bảo hiểm xã hội bổ sung của ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H.

[2] Về án phí: Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk phải chịu 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị P, bà Bùi Thị N, ông Vũ Tiến T và bà Nguyễn Thị H, mỗi người số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp (do Nguyễn Thị H nộp thay) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, cụ thể: Ông Nguyễn Văn D theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0004096 ngày 01/11/2023; bà Trần Thị Th theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0004095 ngày 01/11/2023; bà Nguyễn Thị P theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0004094 ngày 01/11/2023; bà Bùi Thị N theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0004093 ngày 01/11/2023; ông Vũ Tiến T theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0004092 ngày 01/11/2023; bà Nguyễn Thị H theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0004091 ngày 01/11/2023.

[3] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Tú